

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2021
V/v “Tranh chấp Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Cao Thế,
2. Bà Hoàng Thị Tường Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa, các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa;

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoài V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa;

3. *Người đại diện theo pháp luật của anh Lê Hoài V:* Ông Lê Mậu S, bố đẻ anh V.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 4 năm 2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày: Chị và anh Lê Hoài V tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng mẹ Chị tại tổ dân phố 2, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Hiện nay, Chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh V. Do anh V đang bị tâm thần mãn tính, sức khỏe không ổn định, hoàn cảnh của Chị hiện khó khăn, đang nuôi 02 con nhỏ, không có điều kiện về thời gian, kinh tế để đưa anh V đi giám định để tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung, tên Lê Mậu Minh Đ, sinh ngày 22/4/2018 và Lê Minh H, sinh ngày 04/9/2019; hiện đang sống cùng Chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì nguyện vọng của Chị là xin được nuôi hai con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Vì hiện nay, anh V đau ốm thường xuyên, không có khả năng lao động, không có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoài V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Ngày 02 tháng 6 năm 2021, chị Hoàng Thị D làm đơn đề nghị Tòa án tiến hành điều tra, xác minh lý do vắng mặt của anh Lê Hoài V. Ngày 13 tháng 7 năm 2021, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của ông Lê Mậu S - bố của anh V, ông S cho biết: Chị Hoàng Thị D và anh Lê Hoài V tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Đ vào năm 2013, sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chị D tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, Ông không biết lý do vì sao D lại xin ly hôn V. Nếu chị D không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống cùng V, gia đình Ông không có ý kiến gì, việc ly hôn là quyền của chị D - anh V quyết định.

Lê Hoài V bị bệnh tâm thần phân liệt từ năm 2018 đến nay, có sổ điều trị và hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Do điều kiện gia đình khó khăn, vợ chồng Ông già yếu, ốm đau thường xuyên, không có khả năng đưa Văn đi giám định; gia đình Ông không yêu cầu Tòa án tuyên bố Lê Hoài V mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Nếu chị Hoàng Thị D yêu cầu Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì V cũng không thể tự mình đi và gia đình không thể đưa đi giám định tại cơ quan có thẩm quyền nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết.

Vợ chồng Hoàng Thị D và Lê Hoài V có 02 đứa con chung, tên Lê Mậu Minh Đ, sinh ngày 22/4/2018 và Lê Minh H, sinh ngày 04/9/2019, hiện đang sống cùng chị D. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng D - V ly hôn, Ông có đề nghị giao cả 02 con cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân V bệnh tật, đau

ốm thường xuyên, không có khả năng lao động, không có thu nhập để nuôi con.

Về tài sản chung theo Ông được biết, vợ chồng D - V không có tài sản chung gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 38, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Lê Hoài V. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao con Lê Mậu Minh Đ, sinh ngày 22/4/2018 và Lê Minh H, sinh ngày 04/9/2019 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không buộc anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung: Chị D, ông S thống nhất không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hoài V, có địa chỉ thôn B, xã H, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Hoài V bị bệnh tâm thần phân liệt, được hưởng chế độ bảo trợ xã hội; gia đình ông Lê Mậu S không có khả năng đưa anh Lê Hoài V đi giám định tại cơ quan chuyên môn; không yêu cầu tuyên bố anh V mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do đó, căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật dân sự, Tòa án cử ông Lê Mậu S tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho anh Lê Hoài V, ông Lê Mậu S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Lê Hoài V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng

sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Ông S khẳng định, anh V bị bệnh tâm thần phân liệt sau khi kết hôn với chị D, hiện nay chị D xin ly hôn gia đình Ông không có ý kiến gì, việc ly hôn là quyền của vợ chồng D - V quyết định. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị D và anh Lê Hoài V có 02 đứa con chung, tên Lê Mậu Minh Đ, sinh ngày 22/4/2018 và Lê Minh H, sinh ngày 04/9/2019. Chị D có nguyện vọng xin được nuôi các con vì các con đã sống với mẹ từ nhỏ và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, do anh V bị bệnh tâm thần không thể tự mình chăm sóc các con, không có khả năng lao động, thu nhập để nuôi sống bản thân. Xét thấy, nguyện vọng của chị D là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị D và anh Lê Hoài V không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị D và anh Lê Hoài V.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Lê Mậu Minh Đ, sinh ngày 22/4/2018 và Lê Minh H, sinh ngày 04/9/2019 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 09/2021 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Hoài V không cấp dưỡng tiền nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị D phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0007237, ngày 01 tháng 5 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Mậu S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường B;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

